TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:133/2024/DS-ST.
Ngày: 28-8-2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Ngô Minh Lý;

ông Cao Hoài Hiêm.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Lê Thị Thiện M**, sinh năm 1976. Địa chỉ: khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh - Có mặt.

- *Bị đơn:* bà **Lê Thị Mai H**, sinh năm 1963. Địa chỉ: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1960. Địa chỉ: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh - (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn – bà Lê Thị Thiện M trình bày:

Do sự quen biết với nhau nhiều năm, ngày 19/06/2022 âm lịch (tức ngày 17/07/2022 dương lịch), bà H vay của bà M số tiền là: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng. Bà H có làm giấy tay nhận nợ và giao cho bà M giữ.

Ngày 18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch), bà H có nhờ bạn là bà Trần Thị Kim T trả cho bà M số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Bà H còn nợ bà M số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, bà H hứa với bà M mỗi tháng trả cho bà M 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Thế nhưng bà H cũng không trả như đã hứa. Hiện nay bà H nói rằng, bà T mượn tiền nên khi nào đòi tiền được của bà T mới trả nợ cho bà M.

Nguyện vọng của bà M: buộc bà Lê Thị Mai H phải có trách nhiệm trả cho bà M số tiền là: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, yêu cầu tính lãi 10%/năm từ thời điểm 18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Theo các lời khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn - bà Lê Thị Mai H trình bày:

Bà H và bà Trần Thị Kim T ở gần nhà nhau. Bà T có nhu cầu mượn tiền nên nhờ bà H hỏi mượn tiền dùm của bà Lê Thị Thiện M. Sau khi liên hệ với bà M để hỏi tiền mượn, bà H và bà T đến nhà bà M nhận tiền. Bà M giao tiền trực tiếp cho bà H và bà T. Bà H và bà T cùng ký tên. Số tiền mượn là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng.

Ngày 18/09/2022 âm lịch, bà H có đưa cho bà T số tiền 300.000.000 đồng để trả cho bà M. Sau này bà H mới biết bà T chỉ trả cho bà M số tiền 200.000.000 đồng còn nợ lại 100.000.000 đồng.

Bà H không có mượn số tiền 100.000.000đ của bà M mà số tiền này là do bà T mượn của bà M. Bà H trong mối quan hệ chỉ là người giới thiệu bà T gặp bà M để mượn tiền. Bà H chỉ đi chung chứng kiến chứ không liên quan gì đến số tiền này. Bà T mượn của bà M 300.000.000 đồng, đã trả cho bà M số tiền 200.000.000 đồng còn nợ lại 100.000.000 đồng thì không trả nữa nên bà M quay sang đòi bà H và buộc bà H phải trả nợ thay cho bà T là không phù hợp.

Nguyện vọng của bà H: không đồng ý trả cho bà M số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Vì bà T mới là người nợ bà M.

Theo các lời khai, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Kim T trình bày:

Năm 2022, do có nhu cầu sử dụng tiền nên bà T nhờ bà H hỏi mượn tiền dùm. Sau đó, bà T có cùng bà H đến nhà bà M để hỏi mượn tiền với số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng. Khi nhận tiền có làm giấy vay tiền do bà H viết và ký tên vào giấy.

Bà T đã trả được 200.000.000 đồng tiền nợ gốc cho bà M vào ngày 18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch).

Nguyện vọng của bà T: đồng ý trả cho bà M số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thiện M *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bà Lê Thị Mai H. Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] *Về tố tụng:* người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Kim T vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án

tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp theo quy định tại các khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết:* bà M khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật được Tòa án thụ lý vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản". Bị đơn là bà Lê Thị Mai H. Hiện tại, bà H đang cư trú tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Nội dung vụ án:* Bà M có cho bà H mượn số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 19/06/2022 âm lịch (tức ngày 17/07/2022 dương lịch). Bà H giao số tiền này lại cho bà T. Đến ngày 18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch), bà T có đem trả cho bà M số tiền 200.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ còn lại 100.000.000 đồng và tính lãi 10%/năm từ thời điểm 18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

[3.1] Xét yêu cầu trả số tiền 100.000.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

Xét lời trình bày của bà M: bà M có cho bà H mượn số tiền 300.000.000 đồng. Bà M và bà H làm việc trực tiếp với nhau về số tiền mượn. Sau đó, bà M giao tiền cho bà H và bà H giao lại cho bà T. Bà H, bà T thừa nhận cùng nhau đến nhà bà M mượn số tiền 300.000.000 đồng.

Bà M, bà T thừa nhận bà T có đem trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà M vào ngày18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch). Do đó, số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định quan hệ vay tiền giữa bà H với bà M là có thật phù hợp với quy định về hợp đồng vay tài sản tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Xét việc thực hiện hợp đồng vay thấy rằng:

Bà M, bà H thừa nhận số tiền vay là 300.000.000 đồng, lãi suất là 3%/ tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả, khi nào cần thì báo trước sẽ trả. Như vậy, có thể xem hợp đồng vay giữa bà M và bà H là hợp đồng vay không có kỳ hạn. Sau khi vay, bà M có yêu cầu bà H trả tiền gốc nhiều lần nhưng bà H cho rằng nợ của bà T nên cho đến nay vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào cho bà M, như vậy là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu trả tiền là phù hợp quy định tại Điều 466, 469 Bộ luật Dân sự.

[3.3] Xét nghĩa vụ trả nợ:

Bà M làm việc trực tiếp với bà H về số tiền vay, lãi suất. Sau khi làm việc xong thì bà H cùng bà T đến nhà bà M để nhận tiền. Trong quan hệ này, bà H, bà T thừa nhận bà H mượn tiền của bà M dùm bà T.

Theo chứng cứ Tòa án thu thập được, ngày 18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch) bà H giao cho bà T 300.000.000 đồng để trả bà M. Bà T có ký nhận của bà H số tiền 300.000.000 đồng. Điều này cho thấy, bà H nhận thức rằng bà H đang nợ tiền bà M số tiền 300.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà T chỉ trả số tiền 200.000.000 đồng. Bà H trình bày: không biết việc bà T chỉ trả bà M 200.000.000 đồng và còn nợ lại 100.000.000 đồng. Do đó, phần nợ còn lại 100.000.000 là bà T nợ bà M còn bà H không liên quan. Thấy rằng, khi mượn tiền là bà H và bà T cùng đến nhà bà M để mượn với vai trò người đứng ra mượn tiền dùm nhưng khi trả tiền bà H lại giao cho bà T trả. Bà H nhận thức rằng đang nợ bà M số tiền 300.000.000 đồng nên giao số tiền này cho bà T đi trả, khi giao nhận có ký giấy nhận tiền. Khi trả tiền xong, bà H không xác nhận lại với bà M về số tiền đã trả. Bà H cũng không xác nhận lại việc hủy giấy mượn tiền. Vào lúc 17 giờ 42 phút ngày 15/12/2023 bà H có gửi thư thoại cho bà M với nội dung chủ yếu: "Chị nói cho M nghe nè, ...chị lỡ chị mượn của em nhưng không thể nào chị bỏ tiền ra trả cho em được vì chị dính tiền của bà ấy nhiều quá". Bà H thừa nhận có gửi đoạn thoại cho bà M. Điều này khẳng định, bà H xác nhận số tiền nợ còn lại là bà H nợ bà M.

Bên cạnh đó bà H có làm đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 để khởi kiện bà T đối với số tiền 100.000.000 đồng tại Tòa án, mục đích bà H khởi kiện số tiền này là nhằm để lấy lại tiền để trả cho bà M. Nhưng sau đó bà H rút đơn khởi kiện.

Do đó, bà H phải có trách nhiệm với số tiền nợ còn lại 100.000.000 đồng đối với bà M.

[3.4] Xét yêu cầu tính lãi của bà M:

Bà M, bà H, bà T thừa nhận hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng chưa nhận được tiền lãi suất. Nay bà M yêu cầu tính lãi 10%/năm từ thời điểm 18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Điều này phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên có căn cứ chấp nhận.

Bà H trình bày: Bà T đóng tiền lãi từ ngày vay (không nhớ ngày) đến ngày bà T đem tiền trả bà M là ngày 18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch), đóng tổng số tiền bao nhiêu bà H không biết.

Bà T trình bày: đóng tiền lãi từ ngày vay (không nhớ ngày) đến ngày bà T đem tiền trả bà M ngày 18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch), bà T trả 200.000.000 đồng còn nợ 100.000.000 đồng và đóng lãi tiếp đến tháng 5 năm 2023 thì bà T mất khả năng thanh toán. Đóng lãi tổng số tiền bao nhiêu không nhớ. Tòa án đã cho bà H, bà T thời hạn để nộp các chứng cứ trả lãi nhưng bà H, bà T không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình nên hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận phần tiền lãi đã trả của bà H, bà T.

Như vậy, bà H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà M đối với số tiền vay còn nợ 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm từ thời điểm 18/09/2022 âm lịch (tức ngày 13/10/2022 dương lịch) đến ngày 28/08/2024 (tương đương 1 năm 10 tháng 16 ngày) như sau:

100.000.000 đồng x 10%/năm x 1 năm 10 tháng 16 ngày = 18.777.778 làm tròn 18.778.000 (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 118.778.000 (Một trăm mười tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn) đồng, bao gồm nợ gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 18.778.000 (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

[4] Như phân tích trên có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Về án phí: bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Bà H là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà H không phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thiện M đối với bà Lê Thị Mai H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Lê Thị Mai H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thiện M số tiền 118.778.000 (Một trăm mười tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn) đồng, bao gồm nợ gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 18.778.000 (Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Bà Lê Thị Mai H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị Thiện M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015379, ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luậ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Minh Tú